

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KÌ I – TIN HỌC 9
Năm học: 2025 - 2026

A. Phần trắc nghiệm

Câu 1. Trong đời sống, máy tính thường được dùng để làm gì?

- A. Lưu trữ, tìm kiếm và chia sẻ thông tin. B. Tạo ra nước sạch từ không khí.
C. Làm cho mọi vật bay lên. D. Tự sinh ra vật liệu mới mà không cần nghiên cứu.

Câu 2. Máy tính có khả năng nổi bật nào sau đây?

- A. Tự tạo ra năng lượng để hoạt động không cần điện.
B. Xử lý thông tin nhanh và chính xác theo chương trình.
C. Tự quyết định mọi việc như con người mà không cần dữ liệu.
D. Tự sửa chữa phần cứng khi bị hư hỏng.

Câu 3. Thiết bị bay không người lái để gieo hạt giống, phun thuốc trừ sâu,... là thiết bị có gắn bộ xử lý được sử dụng trong lĩnh vực nào?

- A. Giao thông. B. Thương mại. C. Nông nghiệp. D. Công nghiệp.

Câu 4. Phương án nào sau đây là ví dụ về thiết bị có gắn bộ xử lý trong thương mại?

- A. Máy chiếu trong lớp học. B. Máy chụp X-quang.
C. Hệ thống thanh toán trong siêu thị. D. Hệ thống phun tưới vận hành tự động.

Câu 5. Tính đầy đủ của thông tin nghĩa là gì?

- A. Thể hiện sự bao quát nhiều khía cạnh về vấn đề. B. Thể hiện sự dễ dàng khi truy cập.
C. Thể hiện thông tin đã cập nhật đầy đủ hay chưa. D. Thể hiện độ chính xác của thông tin.

Câu 6. Tính chính xác của thông tin thể hiện điều gì?

- A. Thể hiện thông tin đã bị lỗi thời chưa.
B. Thể hiện tính phù hợp của thông tin với vấn đề hay câu hỏi được đặt ra.
C. Thể hiện sự bao quát nhiều khía cạnh, cho em có được cái nhìn tổng thể về vấn đề được đặt ra.
D. Thể hiện tính đúng đắn của thông tin.

Câu 7. Tính mới của thông tin cho biết

- A. thông tin còn phản ánh được sự vật, hiện tượng hiện thời nữa hay không.
B. sự vật, hiện tượng được mô tả giống nó đến mức nào.
C. mức độ mô tả đầy đủ các thuộc tính của sự vật, hiện tượng và mối quan hệ giữa chúng.
D. mức độ thuận tiện, dễ hiểu của thông tin để người dùng có thể tiếp cận, truy cập, sử dụng.

Câu 8. Tiêu chí nào sau đây không được dùng để đánh giá chất lượng thông tin?

- A. Tính sử dụng được. B. Tính hấp dẫn.
C. Tính cập nhật. D. Tính đầy đủ.

Câu 9. Chất lượng thông tin được đánh giá thông qua mấy tiêu chí?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 10. Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Internet là một kho thông tin khổng lồ.
B. Cần phải quan tâm đến chất lượng thông tin khi tìm kiếm, tiếp nhận, trao đổi và sử dụng thông tin để có thể đưa ra các quyết định đúng đắn.
C. Số lượng bản tin làm cho thông tin trở thành hữu ích.
D. Em có thể tìm thấy nhiều thông tin trên Internet nhưng không phải thông tin nào cũng có thể sử dụng để giải quyết vấn đề.

Câu 11. Từ nào còn thiếu trong chỗ trống:

Chất lượng thông tin là yếu tố, quyết định hiệu quả của việc giải quyết vấn đề.

- A. quan trọng B. cơ bản C. bổ trợ D. bổ sung

Câu 12. Khi em thấy một Youtuber nổi tiếng quảng cáo sản phẩm trên mạng, em sẽ ứng xử như thế nào?

- A. Chia sẻ thông tin với người thân vì Youtuber là một nguồn thông tin đáng tin cậy
B. Sử dụng sản phẩm vì Youtuber là một bảo đảm cho sản phẩm đã qua kiểm định
C. Cân nhắc, đánh giá chất lượng thông tin trước khi sử dụng sản phẩm
D. Không sử dụng vào cảnh báo người thân về nguồn tin kém chất lượng

Câu 13. Để chèn hình ảnh minh họa cho bài thuyết trình về các hoạt động của Trường THCS & THPT Xuân Trường, em sẽ tìm kiếm thông tin ở đâu?

- A. Trang mạng xã hội của thầy cô trong trường. B. Trang thông tin của Sở GD&ĐT.
C. Những chia sẻ cá nhân trên Internet. D. Trang web chính thức của trường.

Câu 14. Phát biểu nào dưới đây là sai về chất lượng thông tin?

- A. Chất lượng thông tin đóng vai trò quan trọng đối với việc ra quyết định của người sử dụng

- B. Thông tin có chất lượng tốt giúp con người ra quyết định đúng, từ đó giải quyết hiệu quả vấn đề đặt ra
- C. Chất lượng thông tin không ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết vấn đề
- D. Một số tiêu chí cơ bản đánh giá chất lượng thông tin gồm: tính chính xác, tính mới, tính đầy đủ và tính sử dụng được

Câu 15. Văn bản nào quy định chi tiết việc quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet, thông tin trên mạng. Bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin?

- A. Luật An ninh mạng năm 2018.
- B. Luật An toàn thông tin.
- C. Nghị định số 72/2013/NĐ-CP.
- D. Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11.

Câu 16. Văn bản nào quy định chi tiết về quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin cũng như hành vi bị nghiêm cấm?

- A. Luật An ninh mạng.
- B. Luật An toàn thông tin.
- C. Nghị định số 72/2013/NĐ-CP.
- D. Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11.

Câu 17. Hành vi nào sau đây là thiếu văn hoá khi hoạt động trong môi trường số?

- A. Dùng từ ngữ phản cảm khi bình luận trên các diễn đàn, mạng xã hội.
- B. Sử dụng phần mềm không có bản quyền.
- C. Làm lộ thông tin cá nhân, tổ chức gây ảnh hưởng xấu.
- D. Sử dụng dữ liệu của người khác mà không xin phép.

Câu 18. Hành vi nào sau đây là vi phạm pháp luật khi hoạt động trong môi trường số?

- A. Dùng từ ngữ phản cảm khi bình luận trên các diễn đàn, mạng xã hội.
- B. Viết bài tuyên truyền phòng chống bạo lực học đường.
- C. Chia sẻ, phát tán thông tin chưa được kiểm chứng, bình luận sai trái.
- D. Sử dụng phần mềm có bản quyền.

Câu 19. Làm phát tán virus máy tính thông qua truy cập các liên kết lừa đảo nhận thưởng hoặc gây tò mò, em đã thực hiện hành vi

- A. vi phạm đến việc bảo đảm an toàn thông tin trên không gian mạng.
- B. vi phạm quyền nhân thân, uy tín của cá nhân và tổ chức.
- C. vi phạm pháp luật liên quan đến sở hữu trí tuệ.
- D. không vi phạm vì đó là máy tính của bạn thân.

Câu 20. Ví dụ nào dưới đây thể hiện đúng “phần mềm mô phỏng” trong học tập?

- A. Trình chiếu bài giảng bằng PowerPoint.
- B. Dùng phần mềm mô phỏng để thay đổi tham số và quan sát kết quả (ví dụ lực, vận tốc, điện trở...).
- C. Gõ văn bản trong Word.
- D. Nghe nhạc bằng Zing MP3.

Câu 21. Phần mềm trực tuyến <https://physics.weber.edu/schroeder/md> giúp em làm gì?

- A. Chạy thử thuật toán dạng sơ đồ khối trước khi cài đặt trong ngôn ngữ lập trình.
- B. Mô phỏng thí nghiệm vật lý.
- C. Nghiên cứu và xây dựng các giải pháp giao thông nhằm giảm bớt hiện tượng tắc nghẽn giao thông trong các thành phố.
- D. Nghiên cứu chuyển động và tương tác giữa các phân tử trong những điều kiện khác nhau.

Câu 22. Phần mềm trực tuyến <https://phet.colorado.edu> không có các mô phỏng về chủ đề nào?

- A. Vật lý.
- B. Khoa học Trái Đất.
- C. Địa lý.
- D. Hoá học.

Câu 23. Chọn nguồn năng lượng là người đạp xe, chọn thiết bị tạo ra điện năng là máy phát điện, chọn thiết bị tiêu thụ điện là bếp điện. Hãy cho biết quá trình chuyển hoá năng lượng được thực hiện theo trình tự nào.

- A. Hoá năng → điện năng → nhiệt năng → cơ năng.
- B. Hoá năng → cơ năng → điện năng → nhiệt năng.
- C. Cơ năng → hoá năng → điện năng → nhiệt năng.
- D. Hoá năng → cơ năng → nhiệt năng → điện năng.

Câu 24. Phần mềm mô phỏng là phần mềm dùng để:

- A. Soạn thảo văn bản.
- B. Mô tả/giả lập hoạt động của sự vật, hiện tượng trong thế giới thực trên máy tính.
- C. Dọn rác máy tính.
- D. Vẽ tranh nghệ thuật.

Câu 25. Ví dụ nào sau đây là phần mềm mô phỏng?

- A. Microsoft Word
- B. PHET
- C. Paint
- D. Zalo

Câu 26. Phần mềm mô phỏng giao thông có thể giúp người học:

- A. Tăng dung lượng RAM.
- B. Luyện tập xử lý tình huống an toàn giao thông trong môi trường ảo.
- C. In tài liệu nhanh hơn.
- D. Chơi nhạc hay hơn.

Câu 27. Mô phỏng trong môn Vật lý thường dùng để:

- A. Chỉnh sửa ảnh chân dung.
- B. Quan sát hiện tượng (rơi tự do, điện, quang...) khi thay đổi các tham số.
- C. Gõ công thức toán.
- D. Tạo biểu đồ tài chính.

Câu 28. Khi sử dụng phần mềm mô phỏng, thao tác nào giúp kiểm tra ảnh hưởng của một yếu tố?

- A. Chỉ xem một lần rồi kết luận ngay.
- B. Thay đổi từng tham số và quan sát kết quả.
- C. Tắt máy tính.
- D. Chỉ thay đổi màu nền giao diện.

Câu 29. Ví dụ nào phù hợp nhất với “mô phỏng thể giới thực”?

- A. Game xếp hình đơn giản không liên quan hiện tượng thật.
- B. Mô phỏng hệ Mặt Trời và chuyển động các hành tinh.
- C. Trình nghe nhạc.
- D. Bàn phím ảo.

Câu 30. Trong học tập, phần mềm mô phỏng thường giúp người học:

- A. Ghi chép nhanh hơn nhưng không hiểu bài.
- B. Hình dung trực quan, thử nghiệm nhiều tình huống và rút ra quy luật.
- C. Chỉ để giải trí.
- D. Không liên quan đến giải quyết vấn đề.

Câu 31. Khi dùng mô phỏng chuyển động (ví dụ: ném ngang, rơi tự do), người học có thể rút ra kiến thức nào?

- A. Cách tăng tốc độ Wi-Fi
- B. Mối liên hệ giữa vận tốc, thời gian và quãng đường khi thay đổi điều kiện ban đầu
- C. Cách tạo tài khoản mạng xã hội
- D. Cách sửa lỗi máy in

Câu 32. Trong sơ đồ tư duy, có thể đính kèm những loại nội dung nào?

- A. Chỉ văn bản.
- B. Chỉ hình ảnh.
- C. Văn bản, hình ảnh, video, trang tính.
- D. Chỉ video.

Câu 33. Tác dụng chính của việc đính kèm tài liệu vào nhánh trong sơ đồ tư duy là gì?

- A. Làm sơ đồ tự vẽ đẹp hơn.
- B. Bổ sung minh chứng/nguồn thông tin trực tiếp cho ý tưởng.
- C. Tự động dịch sơ đồ sang tiếng Anh.
- D. Tự tăng dung lượng máy tính.

Câu 34. Ví dụ nào là “trang tính” có thể đính kèm vào sơ đồ tư duy?

- A. File .mp4.
- B. File .xlsx (Excel).
- C. File .png.
- D. File .mp3.

Câu 35. Trình tự đúng khi đính kèm một tệp (văn bản/ảnh/video/trang tính) vào nhánh trong sơ đồ tư duy là:

- A. Chọn tệp → xóa nhánh → lưu sơ đồ.
- B. Chọn nhánh → chọn lệnh Đính kèm/Insert/Attach → chọn tệp → xác nhận/lưu.
- C. Lưu sơ đồ → thoát phần mềm → chọn nhánh.
- D. Chọn nhánh → đổi màu → in ra.

Câu 36. Muốn gắn hình ảnh minh họa cho nhánh “Kế hoạch”, thao tác phù hợp nhất là:

- A. Chọn nhánh “Kế hoạch” → chọn lệnh Đính kèm/Insert/Attach → chọn ảnh → OK.
- B. Gõ tên ảnh vào nhánh là xong.
- C. Đổi font chữ của nhánh.
- D. Xóa nhánh rồi tạo nhánh mới.

Câu 37. Sau khi đính kèm video vào một nhánh, cách thường dùng để mở lại video là:

- A. Nhấp vào biểu tượng/đường dẫn đính kèm trên nhánh.
- B. Khởi động lại máy tính.
- C. Phóng to sơ đồ lên 200% thì tự mở.
- D. Đổi tên nhánh thành “video”.

Câu 38. Khi đính kèm trang tính vào sơ đồ tư duy để hợp tác nhóm, nội dung phù hợp nhất là:

- A. Bảng phân công nhiệm vụ, tiến độ, thống kê kết quả.
- B. Ảnh phong cảnh.
- C. Trò chơi giải trí.
- D. Nhạc nền.

Câu 39. Nhóm bạn đang báo cáo kết quả khảo sát “thói quen đọc sách”. Để trao đổi rõ ràng và thuyết phục, nên dùng:

- A. Chỉ viết một đoạn văn dài.
- B. Bảng số liệu và biểu đồ (cột/tròn) minh họa.
- C. Chỉ dùng ảnh nền đẹp.
- D. Chỉ trình bày thuyết trình thủ công.

Câu 40. Cách dễ dàng nhất để hợp tác và trao đổi thông tin là

- A. chia sẻ sơ đồ tư duy hoặc bài trình chiếu để các thành viên khác xem.
- B. chia sẻ sơ đồ tư duy hoặc bài trình chiếu để cộng tác theo thời gian thực.
- C. chia sẻ sơ đồ tư duy hoặc bài trình chiếu để các thành viên khác chủ động cập nhật.
- D. sử dụng sơ đồ tư duy hoặc bài trình chiếu để trình bày trực tiếp.

Câu 41. Thao tác đúng để thực hiện thao tác đính kèm đường liên kết vào một nhánh đã được chọn của sơ đồ tư duy là

- A. Chọn Insert/Clip Art.
- B. Chọn Insert/Picture.
- C. Chọn Insert/Bookmark.
- D. Chọn Insert/Hyperlink.

Câu 42. Chọn những cách bỏ đi đường liên kết đã đính kèm vào nhánh của sơ đồ tư duy.

- A. Nháy nút phải chuột vào biểu tượng của đường liên kết và chọn Remove Hyperlink.
- B. Nháy chuột vào biểu tượng của đường liên kết và chọn Remove Hyperlink.
- C. Chọn chủ đề nhánh và nhấn phím Delete.
- D. Chọn Insert/Hyperlink, khi hộp thoại Hyperlink xuất hiện, nháy chuột chọn nút lệnh Remove Link trên hộp thoại.

Câu 43. Chọn những cách bỏ tệp đã đính kèm vào nhánh của sơ đồ tư duy.

- A. Nháy chuột vào biểu tượng của tệp đính kèm và chọn Remove All Attachment.
- B. Nháy nút trái chuột vào biểu tượng tệp đính kèm và chọn Remove All Attachment.
- C. Chọn Insert/Attachment/Manage Attachments. Khi hộp thoại Manage Attachments xuất hiện, nháy chuột chọn tên tệp và chọn nút lệnh Remove.

- D. Chọn chủ đề nhánh và nhấn phím Delete.
- Câu 44. Ưu điểm nổi bật của phần mềm bảng tính là gì?**
- A. Tự động xác thực dữ liệu. B. Tự động phân tích dữ liệu.
C. Tự động lưu trữ dữ liệu. D. Tự động xử lý dữ liệu.

- Câu 45. Công cụ xác thực dữ liệu có chức năng gì?**
- A. Kiểm tra độ chính xác của dữ liệu khi nhập vào ô tính.
B. Hạn chế loại dữ liệu hoặc giá trị của dữ liệu khi nhập vào ô tính.
C. Xác thực danh tính người sử dụng phần mềm.
D. Loại bỏ dữ liệu sai khỏi bảng tính.

- Câu 46. Ví dụ nào sau đây là ứng dụng của xác thực dữ liệu?**
- A. Chỉ cho phép nhập điểm từ 0 đến 10. B. Đổi màu nền của bảng.
C. Chèn ảnh vào trang tính. D. In bảng tính ra giấy.

- Câu 47. Kiểu dữ liệu List cho phép trong ô tính chỉ nhập dữ liệu dạng**
- A. số nguyên – ô tính chỉ chấp nhận các số nguyên.
B. ngày tháng – ô tính chỉ chấp nhận dữ liệu ngày tháng.
C. số thập phân – ô tính chỉ chấp nhận các số thập phân.
D. danh sách – chọn dữ liệu từ danh sách thả xuống.

- Câu 48. Kiểu dữ liệu Date cho phép trong ô tính chỉ nhập dữ liệu dạng**
- A. số nguyên – ô tính chỉ chấp nhận các số nguyên.
B. ngày tháng – ô tính chỉ chấp nhận dữ liệu ngày tháng.
C. số thập phân – ô tính chỉ chấp nhận các số thập phân.
D. thời gian – ô tính chỉ chấp nhận dữ liệu thời gian.

- Câu 49. Kiểu dữ liệu Whole number cho phép trong ô tính chỉ nhập dữ liệu dạng**
- A. số nguyên – ô tính chỉ chấp nhận các số nguyên.
B. ngày tháng – ô tính chỉ chấp nhận dữ liệu ngày tháng.
C. số thập phân – ô tính chỉ chấp nhận các số thập phân.
D. thời gian – ô tính chỉ chấp nhận dữ liệu thời gian.

- Câu 50. Để giải quyết bài toán Quản lý tài chính gia đình, em nên sử dụng phần mềm nào?**
- A. Phần mềm bảng tính. B. Phần mềm soạn thảo văn bản.
C. Phần mềm máy tính. D. Phần mềm tạo bài trình chiếu.

- Câu 51. Khi cài đặt cho ô chỉ nhập dữ liệu kiểu List thì vùng dữ liệu chứa danh sách là F3:F12 thì địa chỉ vùng ở ô Source sẽ có dạng như thế nào?**
- A. =F3:F12. B. F3:F12. C. =\$F\$3:\$F\$12. D. =\$F3:\$F12.

- Câu 52. Dữ liệu nhập vào cột Khoản chi (gồm 10 khoản cố định được ghi chi tiết) ta cần chọn dữ liệu thuộc kiểu dữ liệu**
- A. Whole number. B. Any value. C. List. D. Text length.

- Câu 53. Dữ liệu nhập vào cột Số tiền (nghìn đồng) ta cần chọn dữ liệu thuộc kiểu dữ liệu nào và cần điều kiện gì?**
- A. Whole number > 0. B. Decimal > 0.
C. Any value và không có điều kiện. D. Custom và không có điều kiện.

- Câu 54. Để nhập nội dung thông báo lỗi khi nhập dữ liệu, em thực hiện như thế nào?**
- A. Chọn Data/Data Tools/Data Validation, hộp thoại Data Validation xuất hiện, nhập thông báo lỗi vào thẻ Error Message.
B. Chọn Data/Data Tools/Data Validation, hộp thoại Data Validation xuất hiện, nhập thông báo lỗi vào thẻ Input Message.
C. Chọn Data/Data Tools/Data Validation, hộp thoại Data Validation xuất hiện, nhập thông báo lỗi vào thẻ Error Alert.
D. Chọn Data/Data Tools/Data Validation, hộp thoại Data Validation xuất hiện, nhập thông báo lỗi vào thẻ Input Error.

- Câu 55. Trình tự thao tác cơ bản để đặt xác thực dữ liệu là:**
- A. Lưu tệp → in → nhập dữ liệu.
B. Chọn ô/vùng ô → Data Validation → chọn điều kiện → OK.
C. Chèn ảnh → tạo biểu đồ → đặt điều kiện.
D. Tô màu ô → tăng cỡ chữ → OK.

- Câu 56. Muốn cột “Ngày sinh” chỉ nhập đúng kiểu ngày, nên chọn:**
- A. Date. B. Text. C. Image. D. Video.

----- HẾT -----

Đề\câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
000	A	B	C	C	A	D	A	B	D	C	A	C	D	C	C	D	A	C	A	B	D	C	B	B	B	B	B	B
Đề\câu	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56
000	B	B	B	C	B	B	B	A	A	A	B	D	D	A	C	D	B	A	D	B	A	A	C	C	A	C	B	A